

Số: 1035/BC-TH&THCSTD

Bắc Tân Uyên, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2025 - 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định (TH&THCS Tân Định).

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử.

- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục: trường TH&THCS có 02 điểm trường:

+ Điểm trường Tiểu học: Ấp Tân Định 3, xã Bắc Tân Uyên, TP Hồ Chí Minh

+ Điểm trường THCS: Ấp Bằng Lăng, xã Bắc Tân Uyên, TP Hồ Chí Minh

+ Điện thoại: 02743637899

+ Email: ththcstandinh.bactanuyen@hcm.edu.vn

+ Cổng thông tin điện tử: <https://th-thcstandinh.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Trường công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Bắc Tân Uyên – TP Hồ Chí Minh

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

- Xây dựng chiến lược phát triển Trường TH&THCS Tân Định phù hợp với các nguồn lực của nhà trường, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tạo dựng nhà trường trở thành trường học hạnh phúc, một môi trường sư phạm lành mạnh, môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo, phát triển các năng lực cá nhân về trí tuệ, tính độc lập sáng tạo và khả năng hợp tác, thích ứng.

- Giáo dục cho các thế hệ học sinh biết vượt qua mọi khó khăn, phát huy hết khả năng để trở thành người công dân có ích cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

4.2. Tầm nhìn

Ổn định và phát triển, xây dựng môi trường học tập, rèn luyện thân thiện, nền nếp, kỷ cương, mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng,

tư duy sáng tạo, tiềm lực của mình; là nơi đào tạo ra những con người mạnh khỏe về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có kỹ năng sống tốt, đáp ứng cho việc tiếp tục học lên cao; là nơi giáo viên, học sinh luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc, thành đạt và hạnh phúc.

Phấn đấu nâng cao vị thế nhà trường, là một trong những cơ sở giáo dục hàng đầu của xã, trở thành một ngôi trường có chất lượng cao, là nơi học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện, giúp cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn vốn có của chính mình, với một văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc, với cách giao tiếp, truyền đạt mới mẻ là thành phần tiên phong cho sự nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4.3. Mục tiêu

Xây dựng nhà trường Nền nếp, kỷ cương, Đoàn kết, trách nhiệm, Tính sáng tạo, Sự hợp tác, Trường học nhân ái, Trường học An toàn, Trường học Hạnh phúc, Khát vọng vươn lên hướng tới tương lai.

Xây dựng thương hiệu nhà trường đạt Chuẩn Quốc gia, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở (TH&THCS) Tân Định được thành lập và đi vào hoạt động ngày 01/7/2024 theo Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND huyện Bắc Tân Uyên.

Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND xã Bắc Tân Uyên về việc thành lập trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

Tuy nhà trường được thành lập trong một thời gian ngắn nhưng trường TH&THCS Tân Định luôn xác định được chức năng, nhiệm vụ của mình. Với mong muốn chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được ổn định, giữ vững và nâng lên, đây cũng là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Ban lãnh đạo, của Hội đồng nhà trường cũng như các hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Ngọc Sơn

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường TH&THCS Tân Định – xã Bắc Tân Uyên, TP. HCM.

Số điện thoại: 0977.719.778

Email: sonnn@btu.sgdbinhduong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND xã Bắc Tân Uyên về việc thành lập trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 3799/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định nhiệm kỳ 2024-2029.

- Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định nhiệm kỳ 2024-2029.

Danh sách Hội đồng trường TH&THCS Tân Định nhiệm kỳ 2024-2029.

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	BT chi bộ - Hiệu trưởng
2	Ông Hồ Văn Minh	Phó BT - Phó HT
3	Bà Đỗ Thị Thu Hiền	Phó HT
4	Ông Nguyễn Phúc Gia Bảo	Đại diện chi đoàn giáo viên
	Bà Vũ Thị Hương	
5	Bà Lưu Thị Hương Ly	Tổ trưởng VP
6	Bà Phạm Thị Thu Hiền	Tổ trưởng CM Ngoại Ngữ
7	Ông Trần Thanh Tùng	TTCM Nghệ Thuật - Giáo dục Thể chất
8	Bà Lê Thùy Cúc	Tổ trưởng CM Khối 1
9	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hận	Tổ trưởng CM Khối (2&3)
10	Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh	Tổ trưởng CM Khối (4&5)
11	Bà Lê Thị Hòa	Tổ trưởng CM Toán – Tin - KHTN – Công Nghệ
12	Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc	Tổ trưởng CM văn – GDCD – Lịch Sử và Địa Lý
13	Bà Lê Ngọc Trúc	Hội trưởng hội CM PHHS
14	Học sinh Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	Học sinh lớp 8A3, năm học 2025-2026

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quyết định điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý là Hiệu trưởng đối với Ông Nguyễn Ngọc Sơn: Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND xã Bắc Tân Uyên.

- Quyết định điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý là Phó Hiệu trưởng đối với Ông Hồ Văn Minh: Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 28/7/2025 của UBND xã Bắc Tân Uyên.

- Quyết định điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý là Phó Hiệu trưởng đối với Bà Đỗ Thị Thu Hiền: Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 28/7/2024 của UBND xã Bắc Tân Uyên.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường TH&THCS Tân Định:

Căn cứ quy định về điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục, trường TH&THCS Tân Định tổ chức và hoạt động như sau:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành;

Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất

lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của đơn vị:

- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: Có 01 chi bộ gồm 37 đảng viên.
- + Hội đồng trường: Có 15 thành viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 5 đoàn viên.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi có xử lý kỉ luật).
- + Ban đại diện CMHS: Có 05 thành viên.
- + Tổ khối chuyên môn và tổ Văn phòng: Có 07 tổ khối chuyên môn và 01 tổ Văn phòng bao gồm: Tổ khối 1; Tổ khối 2&3; tổ khối 4&5; tổ Toán-Tin-KHTN-CN; tổ Văn-LS&DL-GDCD; tổ Nghệ thuật-GDTC; tổ Anh văn; tổ Văn Phòng.

đ) Quyết định thành lập các tổ chuyên môn/ Phòng ban/ Bộ phận nhà trường

- **Quyết định thành lập Chi bộ:** Quyết định số 156-QĐ/ĐU, ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Đảng ủy xã Tân Định.

- **Quyết định thành lập Hội đồng trường:** Quyết định số 3799/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 V/v thành lập Hội đồng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định Nhiệm kỳ 2024-2029

- **Quyết định Chủ tịch Hội đồng trường:** Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện Bắc Tân Uyên V/v công nhận Chủ tịch Hội đồng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định nhiệm kỳ 2024-2029

- **Quyết định thành lập các tổ chuyên môn:** Quyết định số 352/QĐ-TH&THCSTĐ ngày 04/8/2025 của trường TH&THCS Tân Định về việc thành lập tổ khối trường TH&THCS Tân Định năm học 2024-2025

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Ngọc Sơn	Hiệu trưởng	0977.719.778	sonnn@btu.sgdbin hduong.edu.vn
2	Hồ Văn Minh	Phó Hiệu trưởng	0917.718.899	minhhv@btu.sgdbi nhduong.edu.vn
3	Đỗ Thị Thu Hiền	Phó Hiệu trưởng	0967.227.786	hiendtt_th- thestandinh@btu.sg dbinhdung.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Năm học 2025-2026 Trường TH&THCS Tân Định có tổng số CB, GV, NV là: 68 người/53 nữ. Cụ thể như sau:

ST T	Đội ngũ	Số lượng	Trình độ chuyên môn					Chính trị		QLGD	
			Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Khác	Tr/ cấp	Cao cấp	Chứng chỉ	Thạc sĩ
1	CBQL	03/1 nữ		03				03		03	
2	GV	54/46 nữ	02	47	4					03	
3	NV	11/6 nữ		04		2	06				

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo (năm 2024)
1	Tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp	100%	100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Năm trước liền kề năm báo cáo (năm 2024)
2	Tỷ lệ giáo viên, quản lý, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm	100%	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định (căn cứ văn bản quy định)
1	Diện tích đất	- Điểm Tiểu học: 15.000m ² ; - Điểm THCS: 20.000m ²	Đảm bảo đạt yêu cầu tối thiểu theo Thông tư số 13/2020/QĐ-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT Thông tư ban hành quy định CSVG các trường Mầm non, Tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung
	Diện tích sàn xây dựng	- Điểm Tiểu học: 14.653,7m ² ; - Điểm THCS: 9.507,4m ²	
2	Diện tích bình quân/người học (m ²)	- Điểm Tiểu học: 1,56m ² - Điểm THCS: 1,5 m ²	

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định (căn cứ văn bản quy định)
			<i>học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.</i>

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

1. Tình hình CSVC:

- Trường có sổ đồ điểm Tiểu học: Nhà trường đang làm thủ tục đổi tên đối với điểm trường Tiểu Học và làm thủ tục cấp sổ mới đối với điểm trường THCS.

- Trường có cổng, biển tên trường, tương rào đúng theo quy định: Trường có cổng, biển tên trường, tường rào đúng theo quy định, tường rào xây kiên cố.

- Sân chơi, sân bóng, sân tập thể dục thể thao:

+ Tổng diện tích đất sử dụng: Tiểu học: 14.653,7 m²; THCS: 20.000 m²

+ Diện tích sân chơi: TH: 2.613 m² – đạt: 3,9 m²/HS; THCS: 2.094 m² – đạt: 3,4 m²/HS.

+ Diện tích sân tập thể dục, thể thao: Tiểu học: 895 m²; THCS: 1.224,7 m², đảm bảo cho việc dạy học và luyện tập TDTT, học tập thực tế ngoài lớp học theo quy định.

- Tổng số phòng học: TH: 23; THCS: 16 phòng, Số bàn ghế chỗ ngồi cho học sinh 1.338 bộ (trong đó: Tiểu học: 529 bàn và 938 ghế, trong đó, loại bàn HS có 02 chỗ ngồi: **409 cái**; THCS: 809 bàn và 1.217 ghế, trong đó, loại bàn HS có 02 chỗ ngồi: **408 cái**)

* ***So với nhu cầu dạy 2 buổi/ngày:*** Thừa: 00 / Thiếu: 00

- Số lớp học, số phòng học, số HS

+ Số lớp học: 36 lớp (TH: 21; THCS: 15); Số HS: TH: 674/318 nữ ; Tỷ lệ: 32 HS/lớp ; THCS: 615/299 nữ ; Tỷ lệ: 38 HS/lớp.

+ Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập: Có 01 phòng tại điểm trường THCS.

Có

Không

2. Khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học

2.1. Cấp TH

a) Khối phòng phục vụ học tập bao gồm

- Phòng nghệ thuật: 00 phòng

- Phòng để thiết bị giáo dục: 01 phòng

- Phòng chức năng: phòng Âm nhạc: 01; phòng Mĩ thuật: 01; phòng Tin học: 01; Ngoại ngữ: 01; Phòng thực hành bộ môn: 00

b) Khối phòng hành chính quản trị bao gồm:

- Phòng hiệu trưởng: 01 phòng
- Văn Phòng: 01 phòng
- Phó Hiệu trưởng: 01 phòng
- Đội: 01 phòng
- Phòng truyền thống: 01 phòng

c) Phòng y tế: 01 phòng

d) Máy văn phòng (máy tính: 06 máy; máy in: 03 máy, máy photo 02 máy), phục vụ công tác quản lí và giảng dạy: bảo quản và sử dụng có hiệu quả.

e) Khối phòng phục vụ học tập (trường có 21 lớp với 23 phòng học (trong đó kiên cố: 23; tạm bợ: 00).

f) Khu nhà bếp, nhà nghỉ:

- Trường học bán trú có nhà ăn: 01 nhà ăn, 01 nhà bếp.
- Nhà nghỉ của giáo viên: 05 phòng
- Nhà đa năng: 0.
- Hệ thống nước uống cho học sinh: Có lắp đặt hệ thống nước uống cho HS và đạt chuẩn về an toàn, vệ sinh.

2.2. Cấp THCS

a) Khối phòng phục vụ học tập bao gồm

- Phòng nghệ thuật: 00 phòng
- Phòng để thiết bị giáo dục: 01 phòng
- Phòng chức năng: phòng Âm nhạc: 01 ; phòng Mỹ thuật: 01 ; phòng Tin học: 01 ; Ngoại ngữ: 01; Công nghệ: 01; Phòng thực hành bộ môn: 03 (KHTN: Lí - Hóa - Sinh).

b) Khối phòng hành chính quản trị bao gồm:

- Phòng hiệu trưởng: 01 phòng
- Văn Phòng: 01 phòng
- Phó Hiệu trưởng: 02 phòng
- Đội: 01 phòng
- Phòng truyền thống: 01 phòng

c) Phòng y tế: 01 phòng

d) Máy văn phòng (máy tính: 09 máy; máy in: 08 máy, máy photo: 01 máy), phục vụ công tác quản lí và giảng dạy: bảo quản và sử dụng có hiệu quả.

e) Khối phòng phục vụ học tập (trường có 15 lớp với 16 phòng học (trong đó kiên cố: 16 ; tạm bợ: 00),.

f) Khu nhà bếp, nhà nghỉ:

- Trường học bán trú có nhà ăn: 00, nhà bếp: 00
- Nhà nghỉ của giáo viên: 04 phòng

- Nhà đa năng: 01
- Hệ thống nước uống cho học sinh: Có lắp đặt hệ thống nước uống cho HS và đạt chuẩn về an toàn, vệ sinh.

3. Khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác

3.1. Cấp TH

a) Có khu vệ sinh:

- Khu vệ sinh: 06 phòng dành riêng cho nam, 06 phòng dành riêng cho nữ cán bộ, giáo viên với tổng diện tích là: 40m²; 06 phòng cho học sinh nam, 06 phòng cho học sinh nữ với diện tích là: 22 m²/ 1 phòng;

- Khu vệ sinh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh sạch sẽ thuận tiện, đảm bảo yêu cầu an toàn, sạch sẽ.

b) Nhà để xe: 01, diện tích: 1.364,7 m² (học sinh và giáo viên dùng chung), an toàn, thuận lợi cho việc để xe của học sinh và giáo viên.

c) Nguồn nước sạch: Trường đã lắp đặt hệ thống nước sạch lên các bồn để sử dụng theo quy định.

3.2. Cấp THCS

a) Có khu vệ sinh:

- Khu vệ sinh: 04 phòng dành riêng cho nam, 04 phòng dành riêng cho nữ cán bộ, giáo viên với tổng diện tích khoảng: 40m²; 08 phòng cho học sinh nam, 08 phòng cho học sinh nữ với diện tích khoảng: 20 m²/ 1 phòng.

- Khu vệ sinh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh sạch sẽ thuận tiện, đảm bảo yêu cầu an toàn, sạch sẽ.

b) Nhà để xe: 01, diện tích: THCS: 2.094 m² (học sinh và giáo viên dùng chung), an toàn, thuận lợi cho việc để xe của học sinh và giáo viên.

c) Nguồn nước sạch: Trường đã lắp đặt hệ thống nước sạch lên các bồn để sử dụng theo quy định.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

1. Thiết bị dạy học và hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học

1.1. Cấp TH

a) Thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học: Được trang bị tối thiểu theo quy định.

- Thiết bị đồ chơi ngoài trời: Có một số được trang bị cơ bản theo quy định.

- Thiết bị phục vụ học sinh: Đảm bảo phục vụ tối thiểu theo quy định. Riêng khối lớp 3,4,5 chưa được cấp trang thiết bị giảng dạy theo CTPT 2018.

- Máy chiếu: 15 (trong đó: 02 còn sử dụng nhưng không còn đạt chất lượng; 13 không sử dụng được).

- Tivi: 04 (trong đó: 04 còn sử dụng; 00 không sử dụng được).

1.2. Cấp THCS

a) Thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học: Được trang bị tối thiểu theo quy định. Riêng Đồ dùng dạy học môn toán, công nghệ, lịch sử - địa lí... chưa được cấp phát.

- Thiết bị đồ chơi ngoài trời: Không.
- Thiết bị phục vụ học sinh: Đảm bảo phục vụ tối thiểu theo quy định.
- Máy chiếu: 02 (trong đó: 02 còn sử dụng; 00 không sử dụng được).
- Tivi: 04 (trong đó: 04 còn sử dụng; 00 không sử dụng được).

4. Công tác tiến hành xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất:

- Trong năm học nhà trường rà soát các hạng mục về CSVC và thực hiện sửa chữa theo từng giai đoạn và hạng mục, đảm bảo phục vụ cho các hoạt động của nhà trường.
- Nguồn kinh phí: Chi trong ngân sách và các nguồn khác theo quy định.

* **Đánh giá:** Quang cảnh nhà trường rộng rãi, sạch đẹp, thoáng mát, có trồng cây bóng mát. Trường có đủ điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức dạy học chương trình GDPT 2018, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp, bước đầu mang lại hiệu quả.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Năm học 2025 -2026 nhà trường đưa vào thực hiện bộ sách giáo khoa mới theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các khối lớp từ khối 1 đến khối 9 đã được các cấp phê duyệt (***đính kèm link***).

LINK: <https://th-thestandinh.edu.vn/tin-tuc-nha-truong/cong-khai-danh-muc-sach-giao-khoa-tu-lop-1-den-lop-9-nam-hoc-2025-2026-365556>

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):
- + Tên đầy đủ: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định;
- + Tên viết tắt là: Trường TH&THCS Tân Định.
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:
- + Trường chưa đạt chuẩn Quốc gia.
- + Mức độ đạt kiểm định: Trường chưa đạt kiểm định chất lượng giáo dục.
- + Lý do chưa đạt: Trường TH&THCS Tân Định mới thành lập từ tháng 7/2024 nên chưa đủ thời gian thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định.

V. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2025 - 2026:

a) *Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025 -2026*

- Năm học 2025 – 2026 nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đối với lớp 1 và lớp 6:

* **Tuyển sinh lớp 1:**

- **Đối tượng:** Tất cả học sinh trong độ tuổi vào lớp 1 tại hai xã Tân Định cũ, và học sinh theo gia đình đến làm ăn sinh sống trên địa bàn.

- **Chỉ tiêu:** 132 học sinh/4 lớp

- **Phương thức tuyển sinh:** Trực tuyến và trực tiếp.

- **Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh:** Nhà trường thực hiện tuyển sinh từ tháng 6 năm 2025.

- **Thông tin cụ thể:**

+ Theo điều tra, Tổng số trẻ 6 tuổi (sinh năm 2019): 132 em, trong đó: Thường trú 121 em; Tạm trú 11 em; Khác: 00 em

* **Tuyển sinh lớp 6:**

- **Đối tượng:** Tất cả học sinh trong độ tuổi vào lớp 6 tại các ấp thuộc xã Tân Định (cũ) và học sinh theo gia đình đến làm ăn sinh sống trên địa bàn trường đóng.

- **Chỉ tiêu:** 162 học sinh/4 lớp

- **Phương thức tuyển sinh:** Trực tuyến và trực tiếp.

- **Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh:** Nhà trường thực hiện tuyển sinh từ tháng 6 năm 2025.

* **Quy mô trường, lớp, học sinh**

- Năm học 2025-2026 nhà trường có 36 lớp học với 1.289 HS/617 nữ, Trong đó: Học sinh cấp Tiểu học: 674/318 nữ; học sinh THCS: 615/299 nữ.

Khối	Số HS/nữ NH 2025 – 2026	Trong đó		Dân tộc/nữ
		Chuyển đến	Chuyển đi	
1	142/62	0	0	5/2
2	122/54	0	0	6/2
3	131/65	0	0	4/2
4	128/62	2	0	6/2
5	151/75	0	0	1/1
6	170/79	0	0	4/1
7	158/75	0	0	6/3
8	177/89	0	0	4/3
9	110/56	0	0	4/1
Tổng cộng:	1289/617	2	0	40/17

- Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Định Năm học 2025-2026:

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	68		2	54	4	2	6	1	37	23	00	45	7	00
I	Giáo viên	54													
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	40			38	2									
1	Tiếng dân tộc	00													
2	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	06			4	2				3	2		5		
3	Tin học	03		1	2					2	1		2	1	
4	Nghệ thuật (Âm nhạc)	00													
5	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	01			1						1		1		
6	GDTC	03		1	2					1	2		2	1	
7	GV làm TPT Đội	01			1										
II	Cán bộ quản lý	03			03						01		01		
1	Hiệu trưởng	1			1						1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1		2		
III	Nhân viên	11			03		02	06							
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	00													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1										
8	Nhân viên hỗ trợ người khuyết tật	00													
9	Nhân viên bảo vệ	04						4							
10	Nhân viên phục vụ	02						2							

b) Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2025 – 2026

Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để có đủ giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học.

Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

Công khai kết quả giáo dục học sinh học kỳ I:

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

Đầu năm học nhà trường đã xây dựng quy chế phối hợp với gia đình và các tổ chức trong việc chăm sóc và giáo dục học sinh.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

Nhà trường xây dựng các kế hoạch tổ chức thực hiện như:

- Kế hoạch phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện, học sinh năng khiếu.

- Kế hoạch tổ chức các câu lạc bộ.

- Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa ngoài nhà trường.

đ) Thực đơn hàng ngày của học sinh.

Năm học 2025 - 2026 nhà trường tổ chức bán trú đối với học sinh cấp Tiểu học và một số học sinh cấp THCS. Thực đơn hàng ngày của học sinh được thực hiện theo các quy định hiện hành về đảm bảo cân bằng dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm...

VI. VỀ TÀI CHÍNH

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		

I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	13.911.000	
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học	108.200	
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên, nhân viên	11.340.353	
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo	62.483	
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	952.366	
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÉNH LỆCH THU CHI	1.555.796	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, CSVC, thiết bị dạy học của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, thực hiện hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Cụ thể như sau:

- Lãnh đạo nhà trường đã tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình của từng môn học, hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học) bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kì một cách hợp lý, khoa học.

- Đối với các môn học nhà trường thực hiện bố trí thời gian dạy học linh hoạt phù hợp với điều kiện giáo viên và CSVC của nhà trường; sắp xếp thời khóa biểu phù hợp, tạo điều kiện tốt nhất để mỗi giáo viên hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

- Việc thực hiện Chương trình GDPT 2018: Đối với Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTNHN) theo Chương trình GDPT 2018, giáo viên được phân công đảm nhận nội dung hoạt động nào phải có năng lực chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động đó. Giáo viên được phân công đảm nhận các nội dung hoạt động của chương trình HĐTNHN thực hiện đúng nhiệm vụ của giáo viên thực hiện chương trình HĐTNHN; phân định rõ nhiệm vụ thực hiện chương trình HĐTNHN với nhiệm vụ của giáo viên làm chủ nhiệm lớp theo quy định hiện hành.

- Đối với một số môn như Lịch sử, Địa lí, giáo dục địa phương thực hiện theo công văn số 3035/SGDĐT-GDPT của SGDĐT Thành phố ngày 07/10/2025 V/v triển khai thông tư 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025 của BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-DGDĐT

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường theo hướng gắn việc xây dựng và tổ chức thực hiện văn hóa học đường với việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nội dung pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; giáo dục quyền con người; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù, lòa cho học sinh; giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; giáo dục bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; giáo dục thông qua di sản; giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông; giáo dục tăng cường năng lực số, chuyển đổi số và các nội dung giáo dục lồng ghép phù hợp khác theo quy định.

- Tổ chức thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong nhà trường một cách hiệu quả, đúng quy định. Chú trọng phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp (khi cần thiết) đối với học sinh đang gặp phải khó khăn về tâm lý trong học tập và cuộc sống để tìm hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra; góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường; hỗ trợ học sinh rèn luyện kỹ năng sống, tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025: Đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình GDPT 2018; duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục, tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho học sinh.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn tăng cường sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tổ chức các hội thảo, tọa đàm trao đổi về tổ chức thực hiện chương trình; đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình dạy học và điều chỉnh kịp thời kế hoạch dạy học phù hợp với thực tế tại đơn vị.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

- Giáo viên bộ môn của trường đã được lãnh đạo nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) đảm bảo các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy đảm bảo đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Đối với môn Lịch sử, tiếp tục tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.

- Đối với môn Ngữ văn, tiếp tục thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn theo hướng dẫn.

- Ban lãnh đạo nhà trường phối hợp với tổ chức trong và ngoài nhà trường các hoạt động văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao trên cơ sở tự nguyện của cha mẹ học sinh và học sinh, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và nội dung học tập của học sinh trung học.

- Trường tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng CNTT trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng CNTT trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường, cụ thể như sau:

- Tiếp tục triển khai công tác quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử theo quy định.

- Về quản lý, sử dụng Học bạ điện tử: Thực hiện theo lộ trình và các nội dung theo hướng dẫn của các cấp, năm học 2025-2026 trường đã triển khai học bạ điện tử cho tất cả các khối lớp.

- Tăng cường các giải pháp nhằm đáp ứng tốt mức độ chuyên đổi số trong công tác quản trị nhà trường bằng các phần mềm chuyên dụng và tổ chức các hoạt động dạy - học theo quy định.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Nhà trường thực hiện đánh giá HS theo quy định, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá (thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ) phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình GDPT.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá TX và đánh giá định kỳ.

- Chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

- Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video...) về kết

quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.

- Kết hợp một cách hợp lí giữa hình thức tự luận với trắc nghiệm, giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Nhà trường thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp; tăng cường hoạt động tư vấn, hướng nghiệp tại đơn vị; huy động nguồn lực xã hội tham gia giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

Nhà trường đã chuẩn bị tốt cho việc tổ chức các hội thi cấp cơ sở như: GVĐG, KHKT, thi chọn học sinh giỏi lớp 9 Theo chỉ đạo và hướng dẫn của sở GDĐT thành phố.

6. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

- Tổ chức tốt hoạt động "tuyên truyền pháp luật" đầu năm học mới 2025-2026.
- Tổ chức hiệu quả, thiết thực ngày khai giảng năm học.
- Thực hiện phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục, hướng dẫn cách sử dụng, khai thác, ứng dụng CNTT trên Internet cho học sinh với những nội dung, hình thức phù hợp, hiệu quả.
- Tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh.
- Đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong trường học.
- Xây dựng và thực hành quy tắc ứng xử văn hóa đối với cán bộ, nhà giáo và học sinh.
- Nhà trường đã triển khai đến toàn trường tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông; công tác xã hội trong trường học. Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phổ biến, giáo dục pháp luật; phòng chống tệ nạn xã hội và phòng, chống tham nhũng; chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

- Nhà trường có khuôn viên công trường, biển trường, tường rào, hàng rào, sân vườn, cây xanh bảo đảm an toàn, vệ sinh phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện. Có sân

chơi, khu để xe phù hợp. Có khối phòng học, phòng phục vụ học tập đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, có bàn ghế phù hợp với người học.

- Bảo đảm an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa thiên tai...

- Xây dựng, công khai và thực hiện nghiêm túc bộ quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường.

- Thực hiện công tác y tế trường học, công tác tư vấn học đường, công tác trợ giúp người học.

c. Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

- Nhà trường thực hiện triển khai cụ thể và chi tiết đến mỗi CB-GV trong nhà trường thường xuyên thông qua các buổi họp hội đồng, họp chuyên môn và niêm yết tại trường các văn bản của các cấp ban hành quy định về dạy thêm học thêm.

- Nhà trường kiểm tra chặt chẽ, thường xuyên qua các hình thức kiểm diện hàng ngày, dự giờ đột xuất, kiểm tra tài liệu giảng dạy và qua đánh giá chất lượng bộ môn. Giáo viên làm cam kết không tổ chức dạy thêm trong, ngoài nhà trường. Không có trường hợp nào vi phạm các qui định dạy thêm, học thêm

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Thực hiện tốt quản lý, đánh giá đội ngũ GV, CBQL theo chuẩn nghề nghiệp GV và chuẩn Hiệu trưởng.

- Rà soát, thống kê số lượng, cơ cấu GV theo chuẩn đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm và đăng kí về cấp trên.

- Tổ chức cho bồi dưỡng GV, CBQL đại trà theo kế hoạch của sở GDĐT thành phố.

- Hiện các GV, CBQL nhà trường đang tham gia học các mô đun theo chương trình thường xuyên và bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên do Sở GDĐT tổ chức, nhà trường đã cử 100% GV tham gia và vẫn tiếp tục thực hiện.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Trường đang tiếp tục rà soát, kiểm tra các điều kiện CSVC, thiết bị dạy học, học liệu để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học và đáp ứng chương trình GDPT 2018.

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước: Cải tạo cảnh quan đạt tiêu chuẩn xanh - sạch - đẹp, an toàn theo qui định; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh thực sự để thu hút học sinh đến trường.

- Kịp thời phát hiện các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm trong trường học để thực hiện phương án xử lý theo quy định.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Nhà trường tự chủ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường; trong đó các hoạt động giáo dục được tổ chức thực hiện linh hoạt trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài khuôn viên nhà trường.

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc sử dụng CNTT trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường,

lớp, học sinh, giáo viên, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lý, báo cáo.

Các hoạt động đổi mới công tác quản lý giáo dục:

- Hiệu trưởng nhà trường kết hợp hài hoà giữa 3 phương pháp quản lý: pháp chế, thi đua và kế hoạch, trong đó trọng tâm là kế hoạch, mọi nội dung công việc đều được lên kế hoạch cụ thể phù hợp với điều kiện đơn vị.

- Hàng tuần BGH đều có hội ý để thống nhất những nội dung cần làm trong tuần, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ để có hướng chỉ đạo kịp thời.

- Phân cấp cụ thể đến các tổ chuyên môn theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra nội bộ.

- Tích cực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý.

- Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn của tổ trong năm học, nộp lên Ban giám hiệu phê duyệt, tổng hợp để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, tăng cường hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách nhà trường; nâng cao chất lượng sử dụng CNTT trong tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn trong nhà trường; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử để nâng cao hiệu quả công tác QLGD; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, HS, GV và các thông tin khác.

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý hoạt động dạy học trong nhà trường.

- Khuyến khích GV, CBQL viết và đưa tin bài về các kết quả hoạt động của nhà trường, ngành, gương người tốt việc tốt, các điển hình tiên tiến nhằm tạo sự lan toả trong cộng đồng.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Trong năm học vừa qua, nhà trường tăng cường công tác truyền thông giáo dục, trong đó tập trung các nội dung như: Truyền thông các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2025 của đất nước, của địa phương. Kết quả thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013.

Tiếp tục truyền thông kết quả nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo: Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; đổi mới nội dung, hình thức các cuộc thi, hội thi theo hướng tự nguyện, giảm áp lực, tăng cường tổ chức các sân chơi trí tuệ, các cuộc giao lưu giúp học sinh phát triển sở trường, năng lực cá nhân và tăng hứng thú học tập tạo động lực cho giáo viên nâng cao chất lượng chuyên môn; kết quả giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn, ...

1. Chất lượng giáo dục

	Tổng số học sinh	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4					Lớp 5									
		Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số				Tổng số	Trong tổng số								
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ		Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật					
I. Kết quả học tập																															
1. Tiếng Việt	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0
Hoàn thành tốt	297	61	32	1	1	0	0	64	36	2	1	0	0	85	46	3	1	0	1	42	27	1	1	0	0	45	34	1	1	0	0
Hoàn thành	352	72	27	2	0	0	1	57	18	4	1	0	0	45	19	1	1	0	1	78	33	5	1	0	0	100	41	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	25	9	3	2	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	8	2	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0
2. Toán	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0
Hoàn thành tốt	419	110	53	3	1	0	0	91	43	4	1	0	0	90	44	4	2	0	2	60	35	3	2	0	0	68	39	1	1	0	0
Hoàn thành	234	27	8	2	1	0	1	28	10	2	1	0	0	41	21	0	0	0	0	61	25	2	0	0	0	77	36	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	21	5	1	0	0	0	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7	2	1	0	0	0	6	0	0	0	0	0
3. Khoa học	279	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0
Hoàn thành tốt	159																			78	44	3	2	0	0	81	47	1	1	0	0
Hoàn thành	117																			47	17	3	0	0	0	70	28	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	3																			3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Lịch sử và Địa lí	279	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0
Hoàn thành tốt	166																			89	46	4	2	0	0	77	49	1	1	0	0
Hoàn thành	104																			33	13	2	0	0	0	71	25	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	9																			6	3	0	0	0	0	3	1	0	0	0	0
5. Ngoại ngữ 1	264	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành tốt	96	54	30	1	1	0	0	42	21	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành	133	84	30	4	1	0	1	49	22	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	35	4	2	0	0	0	0	31	11	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Ngoại ngữ 1	410	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0
Hoàn thành tốt	159													61	36	3	1	0	1	45	19	2	1	0	0	53	30	1	1	0	0
Hoàn thành	232													68	28	1	1	0	1	66	36	3	1	0	0	98	45	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	19													2	1	0	0	0	0	17	7	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Tin học và Công nghệ	264	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành tốt	140	68	35	1	1	0	0	72	37	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành	124	74	27	4	1	0	1	50	17	4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. Đạo đức	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0
Hoàn thành tốt	397	82	42	3	1	0	0	71	39	3	1	0	0	84	45	3	1	0	1	76	43	4	2	0	0	84	53	1	1	0	0
Hoàn thành	277	60	20	2	1	0	1	51	15	3	1	0	0	47	20	1	1	0	1	52	19	2	0	0	0	67	22	0	0	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Tự nhiên và Xã hội	395	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành tốt	227	79	41	1	1	0	0	74	41	3	1	0	0	74	38	3	1	0	1												
Hoàn thành	168	63	21	4	1	0	1	48	13	3	1	0	0	57	27	1	1	0	1												
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
10. Âm nhạc	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0



	Tổng số học sinh	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5						
		Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật							
Hoàn thành tốt	371	70	42	1	1	0	0	68	37	2	1	0	0	83	46	3	1	0	0	1	68	38	3	2	0	0	82	53	1	1	0	0
Hoàn thành	303	72	20	4	1	0	1	54	17	4	1	0	0	48	19	1	1	0	1	60	24	3	0	0	0	69	22	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11. Mĩ thuật	673	141	61	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0	
Hoàn thành tốt	291	66	38	1	1	0	0	50	33	2	1	0	0	59	38	3	1	0	0	47	37	2	2	0	0	69	48	1	1	0	0	
Hoàn thành	382	75	23	4	1	0	1	72	21	4	1	0	0	72	27	1	1	0	2	81	25	4	0	0	0	82	27	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	410	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0	
Hoàn thành tốt	249													96	48	4	2	0	1	65	35	4	2	0	0	88	53	1	1	0	0	
Hoàn thành	148													34	17	0	0	0	1	55	24	2	0	0	0	59	22	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	13													1	0	0	0	0	0	8	3	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	
13. Tin học và Công nghệ (Tin học)	410	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0	
Hoàn thành tốt	221													108	53	4	2	0	2	42	27	2	2	0	0	71	49	1	1	0	0	
Hoàn thành	189													23	12	0	0	0	0	86	35	4	0	0	0	80	26	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0													0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
14. Thủ công, Kỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành tốt	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15. Giáo dục thể chất	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0	
Hoàn thành tốt	471	106	57	3	2	0	0	84	47	4	2	0	0	97	59	4	2	0	2	84	50	5	2	0	0	100	62	1	1	0	0	
Hoàn thành	203	36	5	2	0	0	1	38	7	2	0	0	0	34	6	0	0	0	0	44	12	1	0	0	0	51	13	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
16. Hoạt động trải nghiệm	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0	
Hoàn thành tốt	380	82	44	3	1	0	0	68	38	2	1	0	0	75	42	3	1	0	1	75	43	3	2	0	0	80	50	1	1	0	0	
Hoàn thành	294	60	18	2	1	0	1	54	16	4	1	0	0	56	23	1	1	0	1	53	19	3	0	0	0	71	25	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II. Năng lực cốt lõi																																
1. Tự chủ và tự học	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0	
Tốt	378	81	44	1	1	0	0	75	40	3	1	0	0	75	42	4	2	0	1	72	41	3	2	0	0	75	49	1	1	0	0	
Đạt	296	61	18	4	1	0	1	47	14	3	1	0	0	56	23	0	0	0	1	56	21	3	0	0	0	76	26	0	0	0	0	
Chưa đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2. Giao tiếp và hợp tác	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0	
Tốt	376	81	44	1	1	0	0	74	42	3	1	0	0	74	42	4	2	0	1	72	41	3	2	0	0	75	49	1	1	0	0	
Đạt	298	61	18	4	1	0	1	48	12	3	1	0	0	57	23	0	0	0	1	56	21	3	0	0	0	76	26	0	0	0	0	
Chưa đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. GDĐ và sáng tạo	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0	
Tốt	369	80	44	1	1	0	0	70	39	3	1	0	0	72	41	4	2	0	1	72	41	3	2	0	0	75	49	1	1	0	0	
Đạt	305	62	18	4	1	0	1	52	15	3	1	0	0	59	24	0	0	0	1	56	21	3	0	0	0	76	26	0	0	0	0	
Chưa đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4. Ngôn ngữ	674	142	62	5	2	0	1	122	54	6	2	0	0	131	65	4	2	0	2	128	62	6	2	0	0	151	75	1	1	0	0	
Tốt	372	80	44	1	1	0	0	68	40	3	1	0	0	77	44	4	2	0	1	72	41	3	2	0	0	75	49	1	1	0	0	
Đạt	302	62	18	4	1	0	1	54	14	3	1	0	0	54	21	0	0	0	1	56	21	3	0	0	0	76	26	0	0	0	0	



BẢNG THỐNG KÊ TỈ LỆ XẾP LOẠI KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Học kỳ 1, Năm học 2025 - 2026

(Phụ lục 2 - Đính kèm theo Báo cáo số: 1035/BC-TH&THCSTD ngày 31/12/2025)

STT	Lớp	Số sĩ	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
T. Cộng		615	68	11,06%	172	27,97%	230	37,40%	145	23,58%	473	76,91%	138	22,44%	4	0,65%	0	0,00%
Khối 6		170	15	8,82%	45	26,47%	63	37,06%	47	27,65%	123	72,35%	47	27,65%	0	0,00%	0	0,00%
1	6A1	41	2	4,88%	13	31,71%	17	41,46%	9	21,95%	32	78,05%	9	21,95%	0	0,00%	0	0,00%
2	6A2	44	5	11,36%	12	27,27%	13	29,55%	14	31,82%	29	65,91%	15	34,09%	0	0,00%	0	0,00%
3	6A3	42	5	11,90%	10	23,81%	15	35,71%	12	28,57%	31	73,81%	11	26,19%	0	0,00%	0	0,00%
4	6A4	43	3	6,98%	10	23,26%	18	41,86%	12	27,91%	31	72,09%	12	27,91%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 7		158	23	14,56%	36	22,78%	60	37,97%	39	24,68%	126	79,75%	28	17,72%	4	2,53%	0	0,00%
5	7A1	39	5	12,82%	10	25,64%	16	41,03%	8	20,51%	36	92,31%	3	7,69%	0	0,00%	0	0,00%
6	7A2	40	6	15,00%	11	27,50%	14	35,00%	9	22,50%	29	72,50%	11	27,50%	0	0,00%	0	0,00%
7	7A3	39	6	15,38%	7	17,95%	14	35,90%	12	30,77%	33	84,62%	6	15,38%	0	0,00%	0	0,00%
8	7A4	40	6	15,00%	8	20,00%	16	40,00%	10	25,00%	28	70,00%	8	20,00%	4	10,00%	0	0,00%
Khối 8		177	17	9,60%	55	31,07%	68	38,42%	37	20,90%	145	81,92%	32	18,08%	0	0,00%	0	0,00%
9	8A1	42	4	9,52%	14	33,33%	18	42,86%	6	14,29%	42	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
10	8A2	44	4	9,09%	15	34,09%	15	34,09%	10	22,73%	34	77,27%	10	22,73%	0	0,00%	0	0,00%
11	8A3	45	5	11,11%	14	31,11%	14	31,11%	12	26,67%	33	73,33%	12	26,67%	0	0,00%	0	0,00%
12	8A4	46	4	8,70%	12	26,09%	21	45,65%	9	19,57%	36	78,26%	10	21,74%	0	0,00%	0	0,00%
Khối 9		110	13	11,82%	36	32,73%	39	35,45%	22	20,00%	79	71,82%	31	28,18%	0	0,00%	0	0,00%
13	9A1	37	6	16,22%	9	24,32%	14	37,84%	8	21,62%	24	64,86%	13	35,14%	0	0,00%	0	0,00%
14	9A2	36	5	13,89%	12	33,33%	11	30,56%	8	22,22%	27	75,00%	9	25,00%	0	0,00%	0	0,00%
15	9A3	37	2	5,41%	15	40,54%	14	37,84%	6	16,22%	28	75,68%	9	24,32%	0	0,00%	0	0,00%